

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 615/2026/HC-PT

Ngày: 26 - 5 - 2026

V/v “*Khiếu kiện quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và quyết định giải quyết khiếu nại*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đạt

Các Thẩm phán:

Ông Dương Tuấn Vinh

Bà Nguyễn Thị Cúc

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Thân Văn Nhường - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Gia V - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 521/2025/TLPT-HC ngày 23 tháng 12 năm 2025, về “*Khiếu kiện quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và quyết định giải quyết khiếu nại*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 116/2025/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1327/2026/QĐ-PT ngày 12 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Bà Trần Thị T, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Số C N, phường R, tỉnh An Giang (Trước đây là: Số C N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Anh V1, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số B C, phường R, tỉnh An Giang.

- **Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường V, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Việt T1 - Chủ tịch (có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trương Vũ C - Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường V (có mặt);

Địa chỉ: Số A Đường C, Khu phố C, phường V, tỉnh An Giang.

- Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Trần Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện cùng trình bày:

Về nguồn gốc nhà và đất: Vào ngày 10/05/2021, ông Ngô Văn H có làm giấy sang nhượng lại 02 căn nhà trên Đường C, Khu phố B, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là Đường C, Khu phố B, phường V, tỉnh An Giang) cho bà Trần Thị T, trong đó có 01 căn nhà bờ sông diện tích 120m² (ngang 6m x dài 20m) trên diện tích đất ngang 9m x dài 20m (trong đó chiều dài 12m là đất bờ, còn lại 8m là bờ sông).

Đầu tháng 6/2023, do nền nhà bị lún, sụp nên bà T sửa chữa, gia cố lại phần móng, sửa lại nền nhà và đổ mái tầng trên bằng bê tông. Ngày 03/11/2023, cán bộ phường V đến lập biên bản và yêu cầu bà tháo dỡ phần mái bê tông tầng trên nhà phía sau (bờ sông). Bà T đồng ý với ý kiến của phường và xin được tự nguyện tháo dỡ, nhưng khi tiến hành tháo dỡ gặp trở ngại là nhà kế bên số 495 không đồng ý phương án tháo dỡ vì sợ đập phá bê tông gây chấn động nền móng, do nền móng gìm cọc bê tông hình chữ T xuống lòng sông bằng cobe rất yếu, dễ bị lún và sập nhà. Sau đó, bà T trình bày với Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) phường V nhờ phường hỗ trợ vận động nhà kế bên số 495 để bà được tự nguyện tháo dỡ phần bê tông tầng trên nhà phía sau, nhưng không được phường giải quyết.

Ngày 12/11/2023, bà T làm tờ giải trình gửi Chủ tịch UBND thành phố Rạch Giá cho bà đóng phạt và xin được giữ lại hiện trạng nhà để ở, bà T cam kết sẽ tháo dỡ và không yêu cầu nhà nước bồi thường khi UBND thành phố có quy hoạch giải tỏa phần xây dựng nêu trên.

Vào lúc 14h00 ngày 03/11/2023, cán bộ UBND phường V gồm ông Dương Thanh N và ông Chung Thanh C1 lập biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất (lần 1) tại vị trí thửa đất số 250, tờ bản đồ 13, địa chỉ: số D Đường C, Khu phố B, phường V, tỉnh An Giang (theo người khởi kiện địa chỉ là số nhà D, nhưng theo người bị kiện xác định là kế số nhà 495 vì thửa đất số 250 chưa có số nhà và nằm giữa số nhà D và số nhà D), có bà Lý Tuyết L (con gái của bà T, đại diện ủy quyền cho bà) dự. Khi lập biên bản xong, bà L xem lại thông tin được lập biên bản thì kích thước thể hiện trong biên bản là 7,05m sai so với biên bản lập ngày 09/10/2023 đo đạc diện tích là 4,9m và ngày 19/10/2023 đo đạc là 4,76m nên bà L không đồng ý ký tên vào biên bản.

Cũng vào lúc 14h00 ngày 03/11/2023, cán bộ UBND phường V gồm ông Dương Thanh N và ông Chung Thanh C1 lập biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất (lần 2) tại nhà số D có sự tham gia của người làm chứng là ông Ngô Bảo H1, nhưng khi lập biên bản xong chỉ có ông C1 ký tên và biên bản không ghi giờ, ngày tháng nào kết thúc.

Cũng vào lúc 14h00 (có dấu hiệu sửa lại thành 14h30) ngày 03/11/2024, cán bộ UBND phường V gồm ông Dương Thanh N và ông Chung Thanh C1 lập biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất (lần 3) tại nhà số D có sự tham gia của người làm chứng là ông Ngô Bảo H1, ông Trần Văn L1 nhưng khi biên bản kết thúc thì ghi là 14h30 (Biên bản được lập và kết thúc cùng giờ, cùng phút) có chữ ký của ông C1 và 2 người chứng kiến ông H1 và ông L1, không có chữ ký của bà L và ông N.

Cũng vào lúc 14h00 (có dấu hiệu sửa lại thành 16h00) ngày 03/11/2024, tại nhà số D, UBND phường V lập Biên bản vi phạm hành chính (lần 1) số 07/BB-VPHC về lĩnh vực đất đai với bà T về hành vi chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị với diện tích 64m², nhưng khi kết thúc biên bản ghi 14h15 (có dấu hiệu sửa lại thành 16h15) ngày 03/11/2024. Bà T nhận được biên bản này vào ngày 08/11/2023 qua đường bưu điện.

Từ những biên bản nêu trên nên, ngày 23/11/2023 Chủ tịch UBND thành phố R ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 333/QĐ-XPHC (sau đây gọi tắt là Quyết định số 333/QĐ-XPHC) đối với bà T, xử phạt hình phạt tiền 30.000.000 đồng và áp dụng biện pháp khắc phục buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất.

Đến ngày 02/10/2024, Chủ tịch UBND thành phố R ban hành Quyết định số 252/QĐ-HB hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 333/QĐ-XPHC ngày 23/11/2023. Cùng ngày, Chủ tịch UBND thành phố R ban hành Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 254/QĐ-KPHQ (sau đây gọi tắt là Quyết định số 254/QĐ-KPHQ), nội dung buộc bà T khôi phục tình trạng ban đầu và buộc bà trả lại diện tích đất đã chiếm là 64m² cho UBND phường V quản lý.

Vào lúc 15h30 ngày 22/02/2024, cán bộ UBND phường V gồm ông Dương Thanh N và ông Chung Thanh C1, Đội trật tự thành phố R (gồm 04 ông), con gái bà T - bà Lý Tuyết L, con rể bà T - ông Mai Anh V1 có mặt tại trụ sở Khu phố B, phường V để lập biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng và yêu cầu ngừng xây dựng công trình xây dựng tại nhà số D. Biên bản kết thúc lúc 16h30 cùng ngày (thực tế biên bản kết thúc lúc 17h30 do ông C1 nói biên bản không được kết thúc sau 17h00 nên ông C1 đề xuất với các thành viên cùng làm việc ghi kết thúc biên bản là 16h30).

Đến ngày 01/3/2024, UBND phường V mới gửi Biên bản vi phạm hành chính (lần 2) số 01/BB-VPHC ngày 22/02/2024 cho bà T theo đường bưu điện. Giả sử, Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC được lập vào lúc 16h40, kết thúc vào lúc 16h55 cùng ngày 22/02/2024 là có thật thì tại sao không đưa bà L ký tên và Đội trật tự đô thị thành phố là người chứng kiến.

Từ những biên bản nêu trên, ngày 05/4/2024 Chủ tịch UBND thành phố R ban hành Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 91/QĐ-KPHQ (sau đây gọi tắt là Quyết định số 91/QĐ-KPHQ) với nội dung trong thời hạn 30 ngày bà T không xuất trình được giấy phép xây dựng thì bị áp dụng biện pháp phá dỡ công trình.

Bà T cho rằng bà không có hành vi chiếm đất, bà chỉ xây dựng, sửa chữa căn nhà trên cơ sở căn nhà cũ đã bị sụp lún. Biên bản vi phạm hành chính được lập không đúng trình tự, thủ tục, không phù hợp về mặt thời gian, có dấu hiệu lập khống biên bản. Trường hợp bà T tự nguyện khắc phục hậu quả tháo dỡ công trình nhà ở theo quyết định của Chủ tịch UBND thành phố R sẽ ảnh hưởng đến các công trình của các hộ dân xung quanh, gây hậu quả nghiêm trọng.

Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính: Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 91/QĐ-KPHQ ngày 05/4/2024; Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 254/QĐ-KPHQ ngày 02/10/2024; Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 197/QĐ-CCXP ngày 30/7/2024; Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 271/QĐ-CCXP ngày 18/10/2024; và Quyết định số 26/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại ngày 18/6/2024 của Chủ tịch UBND thành phố R đối với bà Trần Thị T.

Tại Văn bản số 317/UBND-ĐkTr ngày 20/3/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố R và Văn bản số 349/UBND-Vp ngày 22/9/2025 của Ủy ban nhân dân phường V trình bày:

- Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 254/QĐ-KPHQ:

Ngày 09/10/2023, tại thửa đất kế số nhà 495 (theo người khởi kiện xác định là số nhà 495), UBND phường V lập biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất và ngừng thi công xây dựng đối với bà Trần Thị T. Tại thời điểm kiểm tra bà T vắng mặt, có sự chứng kiến của bà Lý Tuyết L (con ruột bà T) nhưng bà L không ký biên bản. Nội dung biên bản thể hiện bà T là chủ đầu tư xây dựng công trình nhà ở trên vị trí đất sông R - L (đất do nhà nước quản lý).

Ngày 03/11/2023, UBND phường V tiếp tục lập Biên bản kiểm tra hiện trạng số 18/BB-UBND đối với bà T và cùng ngày lập biên bản vi phạm hành chính số 07/BB-VPHC, trình UBND thành phố R ra quyết định xử phạt. Ngày 23/11/2023, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 333/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính do có hành vi vi phạm chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị.

Tuy nhiên, qua rà soát nhận thấy việc ban hành Quyết định số 333/QĐ-XPHC đã hết thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, do đó Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 253/QĐ-HB ngày 02/10/2024 hủy bỏ Quyết định số 333/QĐ-XPHC.

Cùng ngày 02/10/2024, Chủ tịch UBND thành phố R ban hành Quyết định số 254/QĐ-KPHQ về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà T.

Hết thời hạn nêu trong quyết định nhưng bà T vẫn không chấp hành nên ngày 18/10/2024, Chủ tịch UBND thành phố R ban hành Quyết định số 271/QĐ-CCXP về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà T (sau đây viết tắt là Quyết định số 271/QĐ-CCXP).

- Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 91/QĐ-KPHQ:

Ngày 22/02/2024, UBND phường V lập biên bản ghi nhận hiện trạng với sự chứng kiến của bà Lý Tuyết L và cùng ngày lập Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC đối với bà T về hành vi xây dựng không có giấy phép.

Ngày 23/02/2024, UBND phường V có Tờ trình số 211/TTr-UBND trình UBND thành phố R ban hành quyết định xử phạt. Tuy nhiên, nhận thấy biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC ngày 22/02/2024 còn một số nội dung cần làm rõ, do đó Chủ tịch UBND thành phố ban hành Giấy uỷ quyền số 03/GUQ-UBND ngày 04/3/2024 cho công chức địa chính - xây dựng phường V làm đại diện để xác minh thêm các tình tiết, vụ việc vi phạm.

Đến ngày 02/4/2024, UBND phường V tiến hành xác minh xong (Biên bản số 02/BB-XM ngày 02/4/2024), trình UBND thành phố ban hành Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 91/QĐ-KPHQ ngày 05/4/2024.

Ngày 20/5/2024, qua kiểm tra đã hết thời hạn 30 ngày làm thủ tục để được cấp giấy phép xây dựng nhưng bà T không cung cấp được giấy phép xây dựng theo quy định, nên UBND phường V lập Biên bản ghi nhận về sự phù hợp của công trình số 46/BB-UBND ngày 20/5/2024 và trình UBND thành phố ban hành Thông báo số 199/TB-UBND ngày 27/5/2024 về thực hiện biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm.

Ngày 30/7/2024, UBND thành phố ban hành Quyết định số 197/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (sau đây viết tắt là Quyết định số 197/QĐ-CCXP).

- Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 18/6/2024 của Chủ tịch UBND thành phố R về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Trần Thị T đối với Quyết định số 91/QĐ-KPHQ:

Ngày 22/4/2024, UBND thành phố nhận được đơn khiếu nại của bà T khiếu nại Quyết định số 91/QĐ-KPHQ ngày 05/4/2024.

Ngày 24/4/2024, UBND thành phố ban hành Thông báo số 173/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu.

Ngày 13/6/2024, Chủ tịch UBND thành phố tổ chức đối thoại với người khiếu nại (do ông Mai Anh V1 đại diện ủy quyền khiếu nại).

Ngày 18/6/2024, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 26/QĐ- UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà T, kết quả giải quyết giữ nguyên Quyết định số 91/QĐ-KPHQ ngày 05/4/2024 về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, không thừa nhận nội dung khiếu nại của bà T.

- Về trình tự ban hành Quyết định số 197/QĐ-CCXP ngày 30/7/2024 và Quyết định số 271/QĐ-CCXP ngày 18/10/2024:

Ngày 28/11/2024, Đoàn thực hiện cưỡng chế của UBND thành phố R tổ chức đối thoại với bà T để thi hành các Quyết định số 197/QĐ-CCXP ngày 30/7/2024 và Quyết định số 271/QĐ-CCXP ngày 18/10/2024. Đồng thời, Đoàn thực hiện cưỡng chế tiến hành giao Thông báo số 736/TB-ĐTHCC ngày 18/11/2024 cho bà T về việc thi hành các quyết định cưỡng chế nêu trên.

Ngày 12/12/2024, Đ thực hiện cưỡng chế tiến hành cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà T.

UBND thành phố khẳng định việc ban hành Quyết định số 271/QĐ-CCXP ngày 18/10/2024 và Quyết định số 197/QĐ-CCXP ngày 30/7/2024 của Chủ tịch UBND thành phố R về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 18/6/2024 của Chủ tịch UBND thành phố về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà T đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Đồng thời, Quyết định số 197/QĐ-CCXP ngày 30/7/2024 đến nay đã hết thời hiệu khởi kiện và không phải là văn bản giải quyết khiếu nại liên quan đến các quyết định hành chính bị kiện theo Thông báo thụ lý vụ án số 46/2025/TLST-HC ngày 17/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang (nay là TAND tỉnh An Giang).

Do đó, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà T. Đồng thời, không thụ lý nội dung yêu cầu hủy Quyết định số 197/QĐ-CCXP ngày 30/7/2024.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 116/2025/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang quyết định:

- Căn cứ các Điều 30, 32, 116, 158, 164, 193, 194 của Luật Tổ tụng hành chính;

- Căn cứ Nghị quyết số 225/2025/QH15 ngày 28/6/2025 của Quốc Hội về việc thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, các Luật Tổ tụng và Luật khác có liên quan;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

- Căn cứ các điều 28, 38, 58, 65, 66, 67, 68, 85, 86 và Điều 87 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;

- Căn cứ Điều 18, Điều 27, Điều 29, Điều 30 và Điều 31 Luật Khiếu nại;

- Căn cứ Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

- Căn cứ Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành ;

- Căn cứ Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí hậu thủy văn; đo đạc bản đồ;

- Căn cứ Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng;

- Căn cứ Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

- Căn cứ Điều 12, Điều 32 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

Xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

Không chấp nhận hủy các quyết định hành chính: Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 91/QĐ-KPHQ ngày 05 tháng 4 năm 2024; Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 254/QĐ-KPHQ ngày 02 tháng 10 năm 2024; Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 197/QĐ-CCXP ngày 30 tháng 7 năm 2024; Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 271/QĐ-CCXP ngày 18 tháng 10 năm 2024, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố R ban hành; và Quyết định số 26/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Chủ tịch UBND thành phố R đối với bà Trần Thị T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 07/10/2025, bà Trần Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, cụ thể đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét việc các Biên bản được lập có sai sót, có dấu hiệu bị sửa chữa, giả mạo chữ ký. Cụ thể Biên bản kiểm tra hiện trạng lần 1 lập ngày 03/11/2023 có sai sót về kích thước thể hiện trong Biên bản là 7,05m sai so với Biên bản lập ngày 09/10/2023 đo đạc là 4,9m và Biên bản lập ngày 19/10/2023 đo đạc là 4,76m, ngoài ra bà Lý Tuyết L có mặt lúc 15 giờ nhưng Biên bản lại ghi là 14 giờ. Biên bản kiểm tra hiện trạng lần 2, lần 3 có dấu hiệu sửa chữa, giả mạo chữ ký.

Người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Kháng cáo của bà T cho rằng bản án sơ thẩm nhận định không đúng là không có căn cứ. Thực tế bà T có vi phạm pháp luật, cho dù có sai sót trong việc áp dụng pháp luật đối với việc lập Biên bản vi phạm nhưng cũng không thay đổi việc vi phạm pháp luật của bà T. Bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ. Tại phiên tòa hôm nay, người khởi kiện không xuất trình được chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Trần Thị T là trong thời hạn, nên được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định:

Về trình tự, thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đúng với quy định tại Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 72 Nghị định 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ.

Chủ tịch UBND thành phố R ban hành Quyết định số 91/QĐ-KPHQ ngày 05/4/2024 quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà T là đúng quy định về trình tự, thủ tục, phù hợp với tính chất, hành vi vi phạm và biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại Điều 81 Nghị định số 16/2022/NĐ-CP; khoản 1 Điều 28 và khoản 2 Điều 65 Luật xử phạt vi phạm hành chính.

Chủ tịch UBND thành phố R ban hành Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 254/QĐ-KPHQ về hành vi vi phạm hành chính: chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị để xây dựng công trình nhà ở với diện tích 64m², vi phạm quy định tại điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ đối với bà T là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định quy định tại Điều 28, Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính và phù hợp với tính chất, hành vi vi phạm và biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

Chủ tịch UBND thành phố R ban hành Quyết định số 197/QĐ-CCXP ngày 30/7/2024 và Quyết định số 271/QĐ-CCXP ngày 18/10/2024 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà T, là đúng quy định tại Điều 85, Điều 86 và Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 33 Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 26/QĐ- UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà T là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết được quy định tại Điều 18, Điều 27, Điều 29, Điều 30 và Điều 31 Luật Khiếu nại.

[2.2]. Về căn cứ ban hành quyết định:

[2.2.1]. Xét nguồn gốc đất:

Qua kết quả xác minh cho thấy: Nguồn gốc thửa đất 250, tờ bản đồ số 13 (ngang 9m x dài 20m), địa chỉ kê số nhà D trước năm 2021 là của ông Ngô Văn H sử dụng. Đến tháng 5/2021, ông H bán cho bà T bằng giấy viết tay diện tích đất bờ là 12m, đất sông là 08m, hiện trạng trên đất có 01 căn nhà tạm diện tích ngang 6m x dài 20m. Thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tháng 01/2022, bà T tổ chức thi công xây dựng quán cà phê tại thửa đất nói trên. UBND thành phố đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng đối với bà T (Quyết định số 06/QĐ-XPHC ngày 18/01/2022) do không có giấy phép xây dựng với số tiền 15 triệu đồng, hết thời hạn 60 ngày kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính nếu bà T không xuất trình với người có thẩm quyền xử phạt giấy phép xây dựng thì áp dụng biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phần công trình vi phạm theo quy định. Bà T đã chấp hành nộp phạt.

[2.2.2]. Quyết định số 91/QĐ-KPHQ ngày 05/4/2024:

Ngày 22/02/2024, UBND phường V kết hợp với Đội kiểm tra trật tự đô thị thành phố R tiến hành kiểm tra hiện trạng công trình xây dựng của bà Trần Thị T tại thửa đất số 250, tờ bản đồ số 13 (nay là tờ bản đồ số 84), địa chỉ kế số nhà D Đường C, Khu phố B, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là Đường C, Khu phố B, phường V, tỉnh An Giang), tại thời điểm kiểm tra bà T không có mặt nhưng có sự chứng kiến của bà Lý Tuyết L (con gái bà T). Kết quả kiểm tra công trình xây dựng do bà T làm chủ đầu tư có tổng diện tích 102,08m², công trình thi công (nhà ở riêng lẻ) chưa hoàn thiện, không có giấy phép xây dựng, trong đó: diện tích tầng trệt ngang 8,80m x dài 5,40m, cách tim Đường C là 12,7m, kết cấu vách tường, nền xi măng, mái bằng, đổ bê tông cốt thép; diện tích tầng 1 ngang 6,50m x dài 5,20m và ngang 2,30m x dài 1,20m, kết cấu vách tường, nền bê tông cốt thép và cầu thang từ sân thượng tầng 2 đến tầng 1 có chiều dài 4,9m, chiều ngang 0,8m (diện tích 3,92m²); diện tích tầng 2 (sân thượng) ngang 3,20m x dài 4,40m, sàn tầng 2 đổ bê tông cốt thép, chưa xây tường và lợp mái (có Bản mô tả vị trí hiện trạng xây dựng kèm theo). Cùng ngày, công chức địa chính- xây dựng phường đã lập Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC đối với bà T về hành vi xây dựng công trình (nhà ở riêng lẻ) nhưng không có giấy phép xây dựng, vi phạm quy định tại điểm a khoản 7 Điều 16 Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng (sau đây gọi tắt là Nghị định 16/2022/NĐ-CP). Biên bản đã được tổng đạt hợp lệ qua đường bưu điện cho bà T vào ngày 01/3/2024.

Ngày 23/02/2024, UBND phường V có Tờ trình số 211/TTr-UBND trình UBND thành phố R ban hành quyết định xử phạt. Tuy nhiên, nhận thấy Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC ngày 22/02/2024 còn một số nội dung cần làm rõ nên ngày 02/4/2024, UBND phường V đã lập Biên bản xác minh số 02/BB-XM, sau đó trình UBND thành phố R ban hành Quyết định số 91/QĐ-KPHQ ngày 05/4/2024 về việc buộc bà T phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả: Nếu sau thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ban hành quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả mà bà T không xuất trình với người có thẩm quyền xử phạt Giấy phép xây dựng thì buộc phá dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm theo biên bản ghi nhận hiện trạng ngày 22/02/2024.

Về trình tự, thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đúng với quy định tại Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 72 Nghị định 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ.

Biên bản vi phạm hành chính lập ngày 22/02/2024, tính đến ngày 05/4/2024 là hết thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính nên Chủ tịch UBND thành phố R căn cứ khoản 1 Điều 28 và khoản 2 Điều 65 Luật xử phạt vi phạm hành chính ra quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà T là đúng quy định về trình tự, thủ tục, phù hợp với tính chất, hành vi vi phạm và biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại Điều 81 Nghị định số 16/2022/NĐ-CP.

Tuy nhiên, do nhà bà T chưa có sổ nhà nên trong Quyết định số 91/QĐ-KPHQ ngày 05/4/2024 chỉ ghi địa chỉ công trình xây dựng vi phạm tại kế số nhà D, Đường C, Khu phố B, phường V là chưa đầy đủ thông tin, đáng lẽ ra phải ghi số thêm số thửa, tờ bản đồ (thửa 250, tờ bản đồ số 13). Mặt khác, tại mục 5 Điều 1 của Quyết định số 91/QĐ-KPHQ đã ghi biện pháp khắc phục hậu quả: "...Sau khi được cấp giấy phép xây dựng bà Trần Thị T phải phá dỡ công trình, phần công trình không phù hợp với giấy phép được cấp thì mới được thi công xây dựng..." là chưa đúng tinh thần điều luật quy định (Điều 81 Nghị định 16/2022/NĐ-CP).

[2.2.3]. Quyết định số 254/QĐ-KPHQ ngày 02/10/2024:

Vào ngày 09/10/2023, tại thửa đất kế số nhà D, công chức địa chính UBND phường V phát hiện bà Trần Thị T là chủ đầu tư xây dựng công trình nhà ở trên vị trí đất sông R- L do Nhà nước quản lý, nên đã lập biên bản lập biên bản mô tả vị trí hiện trạng xây dựng của bà T (vị trí xây dựng mới) có con gái của bà T là bà Lý Tuyết L chứng kiến và ký vào biên bản.

Vào lúc 14h00 ngày 03/11/2023, UBND phường V lập 02 biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất đối với bà T, một biên bản không số và Biên bản số 18/BB-UBND. UBND phường thừa nhận đã lập 02 biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất, tuy nhiên khi lập biên bản vi phạm hành chính thì UBND phường căn cứ vào Biên bản số 18/BB-UBND.

Theo đó, Biên bản vi phạm hành chính số 07/BB-VPHC ngày 03/11/2023 xác định bà T có hành vi chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị để xây dựng công trình nhà ở với diện tích 64m², vi phạm quy định tại điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (sau đây gọi tắt là Nghị định số 91/2019/NĐ-CP), hiện trạng xây dựng như sau: cấu trúc tầng trệt 64m², tường gạch, nền móng xi măng, cầu thang bằng xi măng; sàn tầng 1 là 38,1m², tường gạch, sân đổ bê tông cốt thép, chưa lợp mái là 14,73m², đã đổ sàn mái nhà tầng 1 là 23,37m². Biên bản vi phạm hành chính được tổng đạt hợp lệ cho bà T vào ngày 08/11/2023 (qua đường bưu điện).

Tuy nhiên, Biên bản vi phạm hành chính số 07/BB-VPHC đã sửa giờ lập; trong biên bản chưa thể hiện đầy đủ các hành vi vi phạm như trên, cụ thể: trên diện tích bà T chiếm (64m²), bà đã xây dựng những công trình nào, diện tích bao nhiêu, việc lập biên bản vi phạm hành chính chỉ căn cứ vào biên bản kiểm tra hiện trạng là chưa đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 58 Luật xử lý vi phạm

hành chính và Điều 12 Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành .

Ngày 23/11/2023, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 333/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính do có hành vi vi phạm chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị. Tuy nhiên, qua rà soát nhận thấy việc ban hành Quyết định số 333/QĐ-XPHC đã hết thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, do đó Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 253/QĐ-HB ngày 02/10/2024 về huỷ bỏ quyết định số 333/QĐ-XPHC. Ngày 02/10/2024, Chủ tịch UBND thành phố R ban hành Quyết định số 254/QĐ-KPHQ về việc buộc bà T phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả: khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, cụ thể: phá dỡ toàn bộ các công trình xây dựng nhà ở trên đất phi nông nghiệp đã chiếm tại khu vực đô thị với diện tích là 64m².

Như vậy, Biên bản vi phạm hành chính số 07/BB-VPHC lập ngày 03/11/2023, tính đến ngày 02/10/2024 là hết thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính nên Chủ tịch UBND thành phố R căn cứ khoản 1 Điều 28 và khoản 2 Điều 65 Luật xử phạt vi phạm hành chính ra quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm của bà T là đúng quy định về trình tự, thủ tục. Tuy nhiên, trong Quyết định số 254/QĐ-KPHQ, tại mục 3 và mục 5 Điều 1 không ghi địa điểm xảy ra vi phạm, địa điểm cần phải khắc phục hậu quả, không ghi các công trình đã xây dựng trên diện tích đã chiếm là có thiếu sót.

Mặc dù có những sai sót như đã phân tích ở trên, nhưng về phía bà T thừa nhận đã xây dựng công trình nhà ở trên diện tích đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị (64m²) do Nhà nước quản lý mà không được sự cho phép; mặt khác, việc lập Biên bản vi phạm hành chính số 07/BB-VPHC có vi phạm về thời hạn (phát hiện vi phạm đầu tiên vào ngày 09/10/2024 nhưng đến ngày 03/11/2024 mới lập biên bản vi phạm), nhưng những vi phạm này không làm ảnh hưởng đến việc ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra, không làm thay đổi nội dung của quyết định. Do đó, việc Chủ tịch UBND thành phố R ban hành Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 254/QĐ-KPHQ về hành vi vi phạm hành chính: chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị để xây dựng công trình nhà ở với diện tích 64m², vi phạm quy định tại điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ đối với bà T là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định quy định tại Điều 28, Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính và phù hợp với tính chất, hành vi vi phạm và biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

[2.2.4]. Quyết định số 197/QĐ-CCXP ngày 30/7/2024 và Quyết định số 271/QĐ-CCXP ngày 18/10/2024:

Sau khi ban hành các quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, Chủ tịch UBND thành phố R đã tổ chức triển khai giao quyết định cho bà T

theo quy định tại Điều 70 Luật Xử lý vi phạm hành chính nhưng đã hết thời hạn buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả nêu trong Quyết định số 91/QĐ-KPHQ ngày 05/4/2024 và Quyết định số 254/QĐ-KPHQ ngày 02/10/2024, bà T vẫn chưa thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, nên Chủ tịch UBND thành phố R ban hành Quyết định số 197/QĐ-CCXP ngày 30/7/2024 và Quyết định số 271/QĐ-CCXP ngày 18/10/2024 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà T, là đúng quy định tại Điều 85, Điều 86 và Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 33 Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

[2.2.5]. Quyết định giải quyết khiếu nại số 26/QĐ-UBND ngày 18/6/2024:

Ngày 22/4/2024, UBND thành phố nhận được đơn khiếu nại của bà T khiếu nại Quyết định số 91/QĐ-KPHQ ngày 05/4/2024.

Ngày 24/4/2024, UBND thành phố ban hành Thông báo số 173/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu.

Qua kết quả xác minh cho thấy: Nguồn gốc thửa đất 250, tờ bản đồ số 13 (ngang 9m x dài 20m), địa chỉ kê số nhà D trước năm 2021 là của ông Ngô Văn H sử dụng. Đến tháng 5/2021, ông H bán cho bà T bằng giấy viết tay diện tích đất bờ là 12m, đất sông là 08m, hiện trạng trên đất có 01 căn nhà tạm diện tích ngang 6m x dài 20m. Thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tháng 01/2022, bà T tổ chức thi công xây dựng quán cà phê tại thửa đất nói trên. UBND thành phố đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng đối với bà T (Quyết định số 06/QĐ-XPHC ngày 18/01/2022) do không có giấy phép xây dựng với số tiền 15 triệu đồng, hết thời hạn 60 ngày kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính nếu bà T không xuất trình với người có thẩm quyền xử phạt giấy phép xây dựng thì áp dụng biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phần công trình vi phạm theo quy định. Bà T đã chấp hành nộp phạt.

Đến tháng 6/2023, gia đình bà T tháo dỡ nhà cũ bị xử phạt theo Quyết định số 06/QĐ-XPVPHC nêu trên và tiến hành thi công xây dựng mới nhà kiên cố trên hiện trạng nhà bị xử phạt.

Đến chiều ngày 22/02/2024, UBND phường V đến tại vị trí công trình đang xây dựng của bà T tại kê số nhà D để tiến hành đo đạc như đã thông báo cho bà (theo Giấy mời số 34/GM- UBND ngày 21/02/2024), nhưng bà T vắng mặt, chỉ có mặt bà Lý Tuyết L và ông Mai Anh V1 (con bà T). Sau khi lập biên bản kiểm tra, đo đạc hiện trạng công trình xây dựng xong, đến 16 giờ 40 phút cùng ngày, UBND phường đã tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC ngày 22/02/2024. Căn cứ Biên bản 01/BB-VPHC và Biên bản số 02/BB-XM ngày 02/4/2024 về việc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính, ngày 05/4/2024 Chủ tịch UBND thành phố R ban hành Quyết định số 91/QĐ-KPHQ về việc buộc bà T phá dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm có tổng diện tích 102,08m² là đúng quy định.

Bà T cho rằng biên bản vi phạm hành chính nêu trên được lập không đúng trình tự, thủ tục, không phù hợp về mặt thời gian, có dấu hiệu lập không biên bản, nhưng thực tế việc lập biên bản kiểm tra, đo đạc diện tích công trình vi phạm được thực hiện tại nơi xảy ra vi phạm (kế số nhà D), thời gian và địa điểm lập biên bản vi phạm hành chính phù hợp với hành vi vi phạm diễn ra, người có thẩm quyền lập biên bản và người chứng kiến đúng quy định tại Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính nên yêu cầu hủy Quyết định số 91/QĐ-KPHQ của bà T là không có căn cứ. Mặt khác, tại thời điểm lập biên bản và ra quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, bà T không cung cấp được giấy phép xây dựng đối với công trình xây dựng tổng diện tích 102,08m² của bà.

Sau khi tiến hành xác minh nội dung khiếu nại trên, ngày 13/6/2024 Chủ tịch UBND thành phố tổ chức đối thoại với người khiếu nại (do ông Mai Anh V1 đại diện ủy quyền khiếu nại) nhưng kết quả không thành, nên ngày 18/6/2024 Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 26/QĐ- UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà T, kết quả giải quyết giữ nguyên Quyết định số 91/QĐ-KPHQ ngày 05/4/2024 về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, không thừa nhận nội dung khiếu nại của bà T.

Xét thấy, việc Chủ tịch UBND thành phố R ban hành Quyết định số 26/QĐ-CCXP ngày 18/6/2024 là đúng thẩm quyền giải quyết, trình tự, thủ tục giải quyết và hình thức văn bản được quy định tại Điều 18, Điều 27, Điều 29, Điều 30 và Điều 31 Luật Khiếu nại. Về nội dung giải quyết, bác khiếu nại của bà T là đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T.

[3]. Đề nghị Kiểm sát viên tại phiên tòa được chấp nhận.

[4]. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Trần Thị T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên, do bà T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính;

Điều 32, Điều 33, Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị T.
2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 116/2025/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

3. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T. Không chấp nhận hủy các quyết định hành chính: Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 91/QĐ-KPHQ ngày 05 tháng 4 năm 2024; Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 254/QĐ-KPHQ ngày 02 tháng 10 năm 2024; Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 197/QĐ-CCXP ngày 30 tháng 7 năm 2024; Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 271/QĐ-CCXP ngày 18 tháng 10 năm 2024, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố R ban hành; và Quyết định số 26/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Chủ tịch UBND thành phố R đối với bà Trần Thị T.

4. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Trần Thị T được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại TP.HCM;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP (TVN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đạt